

**Tuần : 19**  
**Tiết : 91**  
**Ngày dạy: 9/1/2017**  
**TỔNG CỦA NHIỀU SỐ**

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS :

- Nhận biết tổng của nhiều số.
- Biết cách tính tổng của nhiều số.
- Giáo dục tính cẩn thận,tính chính xác cho HS.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b></p> <p>-GV nhận xét bài KTCHKI</p> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài : Tổng của nhiều số.</b></p> <p><b>*Giới thiệu tổng của nhiều số và cách tính.</b></p> <p>- GV ghi: <math>2 + 3 + 4 = . . .</math> và nêu đây là tổng của các số 2, 3, và 4 đọc là tổng của số 2, 3, 4 hay <math>2 + 3 + 4</math></p> <p>- Cho HS tính tổng của các số vừa nêu.</p> <p>- GV giới thiệu cách tính theo cột dọc như SGK.</p> <p>- GV đưa phép tính <math>12 + 34 + 40 = ?</math></p> <p>- Y / C HS lên bảng đặt tính dọc.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét.</p> <p>-GV chốt cách đặt tính và cách tính tổng của nhiều số.</p> <p><b>*Thực hành.</b></p> <p><b>* Bài tập 1: Tính</b></p> <p>- Cho HS nhắm và ghi kết quả</p> <p>- Cho HS nêu kết quả</p> <p>- GVnhận xét.</p> <p><b>* Bài 2 : Tính</b></p> <p>- Cho HS làm bảng con 3 phép tính đầu.</p> <p>- Gọi HS nêu cách tính.</p> <p>- GVnhận xét.</p> <p>- Cho 1 HS nêu kết quả phép tính còn lại.</p> <p><b>* Bài 3 : Số ?</b></p> <p>- Cho HS quan sát hình vẽ SGK.</p> <p>- Y/ C HS tự làm</p> <p>- GV theo dõi – nhận xét.</p>	<p>-Hát vui</p> <p>-Theo dõi.</p> <p>-HS tính tổng rồi đọc</p> <p>- HS : “ <math>2 + 3 + 4 = 9</math>”</p> <p>- Theo dõi.</p> <p>- HS đọc phép tính.</p> <p>- 1 HS thực hiện.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- 2 HS nêu cách tính.</p> <p>1/</p> <p>- HS nhắm kết quả.</p> <p>- HSG nêu kết quả cột thứ nhất</p> <p style="padding-left: 20px;"><math>3 + 9 + 5 = 17</math></p> <p style="padding-left: 20px;"><math>7 + 3 + 8 = 18</math></p> <p>- HSnhận xét.</p> <p>- 2 HS TB nêu kết quả cột thứ 2.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>2/</p> <p>- HS làm bảng con .</p> <p>- 3 HS nêu cách tính 3 phép tính.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p>- HSG nêu kết quả phép tính cuối – nhận xét.</p> <p>3/</p> <p>- Quan sát hình vẽ.</p> <p>- HS làm vào vở – 1 HS làm bảng phụ câu a)</p>

<p><b>4.Củng cố – Dặn dò :</b> HS nêu cách tính tổng của <math>14 + 14 + 14 = ?</math> Chuẩn bị: Phép nhân.</p>	<p><math>12 \text{ kg} + 12\text{kg} + 12 \text{ kg} = 36 \text{ kg}.</math> Câu b) HSG về suy nghĩ tìm kết quả.</p>
---	--

**Tuần : 19**

**Tiết : 92**

**Ngày dạy: 10/1/2017**

**PHÉP NHÂN**

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS :

- Nhận biết tổng của nhiều số hạng bằng nhau. Biết chuyển tổng của nhiều số hạng bằng nhau thành phép nhân. Biết đọc, viết kí hiệu của phép nhân. Bước đầu biết phép nhân trong mỗi quan hệ với một tổng các số hạng bằng nhau.
- Biết cách tính kết quả của phép nhân dựa vào phép cộng.
- Giáo dục áp dụng phép nhân trong thực tế khi tính toán..

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Bộ học toán.
- Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1.Ôn định :</b> <b>2.Bài cũ : Tổng của nhiều số.</b> - Cho hs làm bài tập: <math>2+2+2+2=?</math> <math>4+4+4=?</math> - Nhận xét bài làm. <b>3.Bài mới :</b> <b>*Giới thiệu bài :Phép nhân.</b> <b>* GV hướng dẫn HS nhận biết về phép nhân.</b> - GV lấy tấm bìa có 2 chấm tròn, hỏi: Tấm bìa này có mấy chấm tròn ? - GV đính 5 tấm bìa và hỏi : + Cô có 5 tấm bìa, mỗi tấm có 2 chấm tròn, có tất cả bao nhiêu chấm tròn ? + Em làm cách nào để biết có 10 chấm tròn ? Phép tính cộng có số hạng là mấy ? - GV: Tổng “ <math>2 + 2 + 2 + 2 + 2</math> có 5 số hạng, mỗi số hạng là 2.” - Ta chuyển thành phép nhân, viết như sau: <math>2 \times 5 = 10</math> và đọc là 2 nhân 5 bằng 10. Dấu <math>\times</math> gọi là dấu nhân. - Chuyển từ <math>2 + 2 + 2 + 2 = 10</math> thành phép nhân <math>2 \times 5 = 10</math>. Vậy 2 được lấy 5 lần. Như vậy, chỉ có tổng bằng nhau mới chuyển được thành phép nhân. <b>* Thực hành.</b> <b>♦Bài 1:</b> Chuyển tổng các số hạng bằng</p>	<p>- 2 HS lên bảng, lớp làm bảng con</p> <p>- HS theo dõi – trả lời: Có 2 chấm tròn.</p> <p>- Có 10 chấm tròn.</p> <p><math>-2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10</math>. Mỗi số hạng là 2.</p> <p>- 2 HS nêu lại.</p> <p>- HS đọc: 2 nhân 5 bằng 10.</p> <p>- HS: 2 được lấy 5 lần.</p> <p>1/</p>

<p>nhau thành phép nhân ( theo mẫu )</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn học sinh thực hiện mẫu.</li> <li>- Cho HS quan sát hình vẽ SGK.</li> <li>- Hỏi :</li> <li>+4 được lấy mấy lần ?</li> <li>+ Viết dạng tổng như thế nào ?</li> <li>+ Từ dạng tổng em chuyển sang dạng phép nhân như thế nào ?</li> <li>-Cho HS thảo luận nhóm đôi câu b, c</li> <li>- GV theo dõi.</li> <li>- Cho HS trình bày – nhận xét.</li> </ul> <p><b>♦ Bài 2 :</b> Viết phép nhân ( Theo mẫu)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nêu y/ c bài tập.</li> <li>- Hướng dẫn HS làm câu a)</li> </ul> <p>- Cho HS làm bảng con câu b), c)</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p><b>♦ Bài 3 :</b> ( HSG về suy nghĩ tìm kết quả).</p> <p><b>4. Củng cố – Dặn dò :</b></p> <p>Hỏi: Khi nào một tổng chuyển thành phép nhân ? ( khi các số hạng của tổng bằng nhau )</p> <p>Chuẩn bị: Thừa số – Tích.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện mẫu:</li> <li>- HS quan sát hình vẽ.</li> </ul> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ 4 được lấy 2 lần.</p> $+ 4 + 4 = 8$ $+ 4 \times 2 = 8$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thảo luận nhóm đôi.</li> <li>- HS trình bày – nhận xét.</li> </ul> <p>b) <math>5 + 5 + 5 = 15</math>  <math>5 \times 3 = 15</math></p> <p>c) <math>3 + 3 + 3 + 3 = 12</math>  <math>3 \times 4 = 12</math></p> <p>2/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS đọc y/ c bài tập.</li> </ul> <p>a) HS làm mẫu</p> <p>Câu a) <math>4 + 4 + 4 + 4 = 20</math>  <math>4 \times 5 = 20</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm bảng con:</li> </ul> <p>Câu b) <math>9 \times 3 = 27</math>  c) <math>10 \times 5 = 50</math></p>
---	--

**Tuần : 19**  
**Tiết : 93**  
**Ngày dạy: 11/1/2017**

**THỪA SỐ – TÍCH**

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS :

- Biết thừa số, tích. Biết viết tổng các số hạng bằng nhau dưới dạng tích và ngược lại.
- Biết cách tính kết quả của phép nhân dựa vào phép cộng.
- Giáo dục tính cẩn thận, tính chính xác cho HS.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Các tấm bìa như SGK.( bộ học toán )
- Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

<b>HOẠT ĐỘNG THẦY</b>	<b>HOẠT ĐỘNG TRÒ</b>
<p><b>1.Ôn định :</b>  <b>2.Bài cũ :</b>Phép nhân.  - Cho HS làm bảng con  - <math>4 + 4 =</math> ; <math>4 \times 2 =</math> ; <math>6 + 6 =</math> ;  <math>6 \times 2 =</math>  -Nhận xét.  <b>3.Bài mới :</b>  <b>*Giới thiệu bài :</b> Thừa số – Tích.  <b>*Hướng dẫn HS nhận biết tên gọi thành phần và kết quả của phép nhân.</b>  - GV ghi: <math>2 \times 5 = 10</math> . Gọi HS đọc.  - GV nêu : Trong phép nhân <math>2 \times 5 = 10</math> ; 2 gọi là thừa số và gắn bìa thừa số dưới số 2. Tương tự với các số còn lại.</p> <div style="display: flex; justify-content: center; align-items: center; gap: 20px; margin: 10px 0;"> <div style="text-align: center;"> <math>2</math> ↓ <div style="border: 1px solid black; padding: 2px 10px;">TH. SỐ</div> </div> <div style="text-align: center;"> <math>\times</math> </div> <div style="text-align: center;"> <math>5</math> ↓ <div style="border: 1px solid black; padding: 2px 10px;">T. SỐ</div> </div> <div style="text-align: center;"> <math>=</math> </div> <div style="text-align: center;"> <math>10</math> ↓ <div style="border: 1px solid black; padding: 2px 10px;">TÍCH</div> </div> </div> <p>- Cho HS nêu thuộc các thành phần.  - GV: <math>2 \times 5</math> cũng gọi là tích.  <b>*Thực hành.</b>  <b>◆Bài 1:</b> Viết các tổng sau dưới dạng tích ( theo mẫu )  - Y/ c HS đọc .  - GV nhấn mạnh y/ c bài tập.  Mẫu: <math>3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 5</math>  - GV ghi và hướng dẫn mẫu.  - Hỏi : Muốn tính tích <math>3 \times 5 = ?</math> ta tính bằng cách nào ?  - Cho HS tự làm các câu còn lại.  - GV cùng HS nhận xét.</p>	<p>-HS làm bài bảng con.</p> <p>- 3 HS đọc.  - HS theo dõi.</p> <p>- HS nêu.  - 1 HS nhắc lại.</p> <p>1/</p> <p>- 1 HS đọc y/ c bài tập.  - Lắng nghe.  - HS cùng thực hiện mẫu: HS đọc rồi viết thành tích 3 được lấy 5 lần nên viết <math>3 \times 5</math></p> <p>- HS : Ta lấy <math>3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 15</math>.  Vậy <math>3 \times 5 = 15</math>  - HSG nêu câu a)  - HSTB nêu câu b), c)</p>

<p>♦ <b>Bài 2</b> : Viết các tích dưới dạng tổng các số hạng bằng nhau rồi tính ( theo mẫu )</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc y/ c bài tập.</li> <li>- GV Nêu y/ c bài tập.</li> <li>- GVHD mẫu :  <math>6 \times 2 = 6 + 6 = 12</math> ; vậy <math>6 \times 6 = 12</math></li> <li>- (Cho HSG nêu miệng kết quả câu a) nếu còn thời gian.)</li> </ul> <p>- Cho HS làm vở</p> <p>- GV theo dõi.</p> <p>- Cho HS tự sửa bài.</p> <p>- Khi sửa bài GV giúp HS thấy <math>3 \times 4 = 4 \times 3</math></p> <p>♦ <b>Bài 3</b> : <b>Viết phép nhân ( theo mẫu)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc y/ c bài tập.</li> <li>-GV hướng dẫn mẫu.</li> <li>- Gọi HS làm bảng con.</li> <li>- GV nhận xét.</li> </ul> <p><b>4.Củng cố – Dặn dò :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Cho HS nêu tên các thành phần trong phép nhân.</li> <li>-Chuẩn bị : Bảng nhân 2.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HSNhận xét.</li> </ul> <p>2/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc y/ c bài tập.</li> <li>- Lắng nghe.</li> <li>- HS cùng thực hiện bài mẫu.</li> </ul> <p>- 1 HSG nêu kết quả câu a)  <math>5 \times 2 = 5 + 5 = 10</math> ; vậy <math>5 \times 2 = 10</math>  <math>2 \times 5 = 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10</math> ; vậy  <math>2 \times 5 = 10</math></p> <p>- HS làm vào vở – 1 HS làm bảng phụ.</p> <p>- HS trình bày – nhận xét.</p> <p>b) <math>3 \times 4 = 3 + 3 + 3 + 3 = 12</math> ; vậy <math>3 \times 4 = 12</math></p> <p>3/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS đọc.</li> <li>- Thực hiện mẫu : <math>8 \times 2 = 16</math></li> <li>- HS làm bảng con các câu còn lại.</li> </ul>
--	--

Tuần : 19

Tiết : 94

Ngày dạy: 12/1/2017

## BẢNG NHÂN 2

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Lập được bảng nhân 2. Nhớ được bảng nhân 2.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân ( trong bảng nhân 2 ). Biết đếm thêm 2.
- Giáo dục cho HS áp dụng bảng nhân vào trong thực tế.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Các tấm bìa như SGK.( bộ học toán )
- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1.Ổn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :Thừa số – Tích.</b></p> <p>-Chuyển tổng thành tích rồi tính tích đó:  <math>6 + 6</math> , <math>8 + 8</math> , <math>3 + 3</math> , <math>4 + 4</math>  <math>3 \times 5</math>: Nêu tên gọi từng thành phần của phép nhân?</p> <p>- Nhận xét</p> <p><b>3.Bài mới :</b></p>	<p>-HS làm bài bảng con.</p> <p>- HS theo dõi.</p>

<p><b>*Giới thiệu bài :</b> Bảng nhân 2.</p> <p><b>* HD lập bảng nhân 2</b> ( lấy 2 nhân với một số )</p> <p>- GV đưa cho HS xem các tấm bìa và nêu: mỗi tấm có 2 chấm tròn, ta lấy 1 tấm bìa tức là 2 chấm tròn được lấy 1 lần.</p> <p>Ta viết : <math>2 \times 1 = 2</math></p> <p>GV đọc : Hai nhân 1 bằng 2</p> <p>- GV ghi : <math>2 \times 1 = 2</math> vào chỗ cố định để lập tiếp bảng nhân.</p> <p>- Tương tự cho đến hoàn chỉnh bảng nhân.</p> <p>- GV giới thiệu: Đây là bảng nhân 2.</p> <p><math>2 \times 1 = 2</math>      <math>2 \times 6 = 12</math>  <math>2 \times 2 = 4</math>      <math>2 \times 7 = 14</math>  <math>2 \times 3 = 6</math>      <math>2 \times 8 = 16</math>  <math>2 \times 4 = 8</math>      <math>2 \times 9 = 18</math>  <math>2 \times 5 = 10</math>    <math>2 \times 10 = 20</math></p> <p>- Hướng dẫn HS học thuộc bảng nhân 2.</p> <p><b>*Thực hành</b></p> <p>◆<b>Bài 1:</b> Tính nhẩm</p> <p>- Cho HS đọc y/ c bài tập.</p> <p>- Y / C HS nhẩm kết quả vào vở.</p> <p>- Cho HS thực hiện nối tiếp nêu kết quả.</p> <p>-GVnhận xét.</p> <p>- Để làm nhanh bài tập1 các em phải thuộc bảng nhân 2</p> <p>- Gọi 1 HS đọc bảng nhân 2.</p> <p>◆ <b>Bài 2 :</b></p> <p>- Cho HS đọc đề bài</p> <p>- Cho HS tự làm vào vở</p> <p>- GV chấm – nhận xét.</p> <p>◆<b>Bài 3 :</b></p> <p>- Cho HS điền số vào ô trống</p> <p>- GVnhận xét.</p> <p>- Y/ c HS học thuộc đếm thêm 2.</p> <p><b>4.Củng cố:</b></p> <p>-HS đọc bảng nhân 2.</p> <p><b>5. Dặn dò :</b></p> <p>-Chuẩn bị : Luyện tập.</p>	<p>- 2 HS đọc lại : 2 nhân 1 bằng 2.</p> <p>- 1 HS đọc bảng nhân đã hoàn chỉnh.</p> <p>- HS đọc thuộc từ trên xuống và từ dưới lên.</p> <p>1/  - 1 HS đọc.  - Nhẩm kết quả.  - HS nêu kết quả.</p> <p>- HSnhận xét.</p> <p>- 1HS đọc.  2/  - 1 HS đọc  - HS nêu TT – làm vào vở – 1 HS làm bảng phụ.  - HS trình bày                      Bài giải  Số chân 6 con gà là :  <math>2 \times 6 = 12</math> ( con )  Đáp số : 12 con.</p> <p>3/  - HS tự làm vào vở – 1 HS làm bảng phụ.  - HS trình bày – nhận xét  - Học thuộc từ 2 đến 20 và ngược lại.</p>
--	--

Tuần : 19  
 Tiết : 95  
 Ngày dạy: 13/1/2017

## LUYỆN TẬP

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Thuộc bảng nhân 2. Biết vận dụng bảng nhân 2 để thực hiện phép tính nhân có kèm đơn vị với một số.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân ( trong bảng nhân 2 ). Biết tìm thừa số, tích.
- Yêu thích môn Toán, tính chính xác

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

-Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b> Bảng nhân 2.                      Tính nhẩm :  <math>2 \times 3</math>                      <math>2 \times 8</math>  <math>2 \times 6</math>                      <math>2 \times 10</math></p> <p>- Nhận xét.</p> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b> Luyện tập</p> <p><b>*Hướng dẫn HS làm bài tập.</b></p> <p><b>♦Bài 1: Số ?</b></p> <p>- GV nêu y/ c bài tập.                      - Hướng dẫn HS làm bài mẫu.</p> <p style="text-align: center;"><math>2 \quad \times \quad 3 \quad \longrightarrow \quad 6</math></p> <p>- Cho HS thực hiện nhóm đôi.                      - GVnhận xét – Củng cố bảng nhân 2.</p> <p><b>♦Bài 2 :</b> Tính ( theo mẫu )</p> <p>- Cho HS đọc y/ c bài tập.                      - GV cùng HS làm bài mẫu:  <math>2 \text{ cm} \times 3 = 6 \text{ cm}</math></p> <p>- Y/ c HS làm bảng con các bài còn lại.                      - GVnhận xét.</p> <p><b>♦Bài 3 : ( viết )</b></p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.                      - Cho HS nêu TT                      - Y/ C HS tự làm vở                      - GV kt vở – nhận xét.                      - nhận xét – Bổ sung.</p> <p><b>♦Bài 4(HSG về suy nghĩ tìm kết quả)</b></p> <p><b>♦Bài 5 :</b> Viết số thích hợp vào ô trống (</p>	<p>-HS làm bài phiếu học tập + 1 HS làm bài bảng phụ.</p> <p>1/                      - 1 HS đọc y/ c bài tập.                      - Cùng thực hiện mẫu.</p> <p>- HS thực hiện nhóm đôi.                      - Trình bày – nhận xét.</p> <p>2/                      - 1 HS đọc y/ c bài tập.                      - HS thực hiện mẫu.</p> <p>- HS thực hiện bảng con  <math>2 \text{ cm} \times 5 = 10 \text{ cm}</math>  <math>2 \text{ dm} \times 8 = 16 \text{ dm}</math>  <math>2 \text{ kg} \times 4 = 8 \text{ kg}</math>  <math>2 \text{ kg} \times 6 = 12 \text{ kg}</math>  <math>2 \text{ kg} \times 9 = 18 \text{ kg}</math></p> <p>3/                      - 1 HS đọc.                      - Nêu TT                      - HS làm vở – 1 HS làm bảng phụ.                      - Trình bày – nhận xét.</p>

theo mẫu ) - GV đính bài tập và hướng dẫn mẫu. - Cho HS tự làm các cột còn lại. - Cho HS tự kiểm tra. - Sau đó cho HS nêu kết quả. - GV nhận xét. - GV chốt : muốn tìm tích em thực hiện phép tính nhân. ( HSG tự tìm kết quả 2 cột cuối. ) <b>4.Củng cố:</b> -HS đọc bảng nhân 2. <b>5. Dặn dò :</b> -Chuẩn bị : Bảng nhân 3.	- HS cùng thực hiện mẫu. - HS làm vở các cột còn lại - HS đổi vở để kiểm tra kết quả. - HS nêu kết quả - nhận xét.  - Lắng nghe.
---	---

Tuần : 20

Tiết: 96

Ngày dạy: 16/1/2017

### BẢNG NHÂN 3

#### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Lập bảng nhân 3. Nhớ được bảng nhân 3.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân ( trong bảng nhân 3 ). Biết đếm thêm 3.
- Giáo dục tính cẩn thận, tính chính xác cho HS.

#### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

-Bảng phụ.

#### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<b>1.Ôn định :</b> <b>2.Bài cũ : Luyện tập.</b> -Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập sau: Tính : $2\text{ cm} \times 8 =$ ; $2\text{ kg} \times 6 =$ $2\text{ cm} \times 5 =$ ; $2\text{ kg} \times 3 =$ Nhận xét. <b>3.Bài mới : Bảng nhân 3</b> <b>*Giới thiệu bài :</b> Trong giờ toán này, các em sẽ được học bảng nhân 3 và áp dụng bảng nhân này để giải các bài tập có liên quan. <b>* Hướng dẫn lập bảng nhân 3.</b> (lấy 3 nhân với một số) -Gắn 1 tấm bìa có 3 chấm tròn lên bảng và hỏi: Có mấy chấm tròn? -Ba chấm tròn được lấy mấy lần? -3 được lấy 1 lần nên ta lập được phép nhân : $3 \times 1 = 3$ (ghi lên bảng phép nhân này) -Gắn tiếp 2 tấm bìa lên bảng và hỏi: Có 2	-2 HS làm bài trên bảng, cả lớp làm bài vào vở nháp. $2\text{ cm} \times 8 = 16\text{ cm}; 2\text{ kg} \times 6 = 12\text{ kg}$ $2\text{ cm} \times 5 = 10\text{ cm}; 2\text{ kg} \times 3 = 6\text{ kg}$  - Nghe giới thiệu  - Quan sát hoạt động của GV và trả lời: Có 3 chấm tròn.  - Ba chấm tròn được lấy 1 lần - Ba được lấy 1 lần. - HS đọc phép nhân 3 là 3 nhân 1 bằng 3. - Quan sát thao tác của GV và trả lời: 3



<p>tám bìa, mỗi tám có 3 chấm tròn, vậy 3 chấm tròn được lấy mấy lần?</p> <p>-Vậy 3 được lấy mấy lần?</p> <p>-Hãy lập phép tính tương ứng với 3 được lấy 2 lần.</p> <p>-3 nhân với 2 bằng mấy?</p> <p>-Viết lên bảng phép nhân: <math>3 \times 2 = 6</math> và yêu cầu HS đọc phép nhân này.</p> <p>-Hướng dẫn HS lập phép tính còn lại tương tự như trên. Sau mỗi lần lập được phép tính mới GV ghi phép tính đó lên bảng để có 3 bảng nhân 3.</p> <p>-Chỉ bảng và nói : Đây là bảng nhân 3. Các phép tính trong bảng đều có 1 thừa số là 3, thừa số còn lại lần lượt là các số 1, 2, 3, . . . , 10.</p> <p>-Yêu cầu HS đọc bảng nhân 3 vừa lập được, sau đó cho HS thời gian để tự học thuộc bảng nhân 3 này.</p> <p>-Xoá dần bảng con cho HS đọc thuộc lòng.</p> <p>Tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng.</p> <p><b>*Luyện tập, thực hành.</b></p> <p>◆<b>Bài 1 :</b></p> <p>- Hỏi : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>◆<b>Bài 2 :</b></p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài</p> <p>- Hỏi : Một nhóm có mấy HS ?</p> <p>- Có tất cả mấy nhóm ?</p> <p>- Để biết có tất cả bao nhiêu HS ta làm phép tính gì ?</p> <p>- Yêu cầu HS nêu tóm tắt và trình bày bài giải vào vở. Gọi 1 HS làm bảng phụ.</p> <p>- Nhận xét và chấm 5 vở.</p> <p>- Cho HS trình bày- Bổ sung.</p> <p>◆<b>Bài 3 :</b></p> <p>- Hỏi : Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- Số đầu tiên trong dãy số này là số nào?</p> <p>- Tiếp sau đó là 3 số nào?</p>	<p>chấm tròn được lấy 2 lần.</p> <p>- 3 được lấy 2 lần.</p> <p>- Đó là phép tính <math>3 \times 2</math></p> <p>- 3 nhân 2 bằng 6.</p> <p>- Ba nhân hai bằng sáu.</p> <p>- Lập các phép tính 3 nhân với 3, 4, . . . , 10 theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- Nghe giảng.</p> <p>- Cả lớp đọc đồng thanh bảng nhân 3 lần, sau đó tự học thuộc lòng bảng nhân.</p> <p>- Đọc bảng nhân.</p> <p>1/</p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta tính nhẩm.</p> <p>- Làm bài và kiểm tra bài của bạn.</p> <p>2/</p> <p>- Đọc: Mỗi nhóm có 3 HS, có 10 nhóm như vậy. Hỏi tất cả bao nhiêu HS?</p> <p>- Một nhóm có 3 HS.</p> <p>- Có tất cả 10 nhóm.</p> <p>- Ta làm phép tính <math>3 \times 10</math></p> <p>- Làm bài:</p> <p>Tóm tắt</p> <p>1 nhóm : 3 HS.</p> <p>10 nhóm : . . . HS?</p> <p>Bài giải</p> <p>Số HS mười nhóm có là :</p> <p><math>3 \times 10 = 30</math> (HS)</p> <p>Đáp số : 30 HS.</p> <p>3/</p> <p>- Bài toán yêu cầu chúng ta đếm thêm 3 rồi viết số thích hợp vào ô trống.</p> <p>- Số đầu tiên trong dãy số này là số 3.</p>
---	--

<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3 cộng thêm mấy thì bằng 6?</li> <li>- Tiếp sau số 6 là số nào?</li> <li>- 6 cộng thêm mấy thì bằng 9 ?</li> <li>- Giảng : Trong dãy số này, mỗi số đều bằng số đứng ngay trước nó cộng thêm 3.</li> <li>- Yêu cầu tự làm bài tiếp, sau đó chữa bài rồi cho HS đọc xuôi, đọc ngược dãy số vừa tìm được.</li> </ul> <p><b>4.Củng cố:</b> -HS đọc bảng nhân 3 vừa học.</p> <p><b>5. Dặn dò :</b> -Chuẩn bị : Luyện tập.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp sau số 3 là số 6.</li> <li>- 3 cộng thêm 3 bằng 6.</li> <li>- Tiếp sau số 6 là số 9.</li> <li>- 6 cộng thêm 3 bằng 9.</li> <li>-Nghe giảng.</li>   <li>- Làm bài tập.</li> </ul>
--	--

Tuần : 20  
Tiết : 97  
Ngày dạy: 17/1/2017  
**LUYỆN TẬP**

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS :

- Thuộc được bảng nhân 3 qua thực hành làm tính.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân ( trong bảng nhân 3 ).
- Giáo dục cho HS biết áp dụng trong thực tế.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b> Bảng nhân 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 2 HS lên bảng đọc thuộc lòng bảng nhân 3.</li> <li>3. Hỏi HS về kết quả của một phép nhân bất kì trong bảng.</li> <li>- Nhận xét .</li> </ul> <p><b>3. Bài mới : Luyện tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong giờ toán hôm nay, các em sẽ cùng nhau luyện tập, củng cố kỹ năng thực hành tính nhân trong bảng nhân 3.</li> </ul> <p><b>Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>* Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</li> <li>- Viết lên bảng:</li> </ul> <div style="text-align: center; margin: 10px 0;"> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi: Chúng ta điền mấy vào ô trống? Vì sao?</li> <li>- Viết 9 vào ô trống trên bảng và yêu cầu HS đọc phép tính sau khi đã điền số. Yêu cầu HS tự làm tiếp bài tập, sau đó gọi 1 HS đọc chữa bài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS lên bảng trả lời cả lớp theo dõi và nhận xét xem hai bạn đã học thuộc lòng bảng nhân chưa.</li>   <li>- Lắng nghe.</li>   <li>1/</li> <li>- Bài tập yêu cầu chúng ta điền số thích hợp vào ô trống.</li>   <li>- Điền 9 vào ô trống vì 3 nhân 3 bằng 9.</li> <li>- Làm bài và chữa bài.</li>   <li>- Bài tập yêu cầu viết số thích hợp vào ô trống.</li> </ul>

<p>- Nhận xét.  - GV chốt: Bài tập yêu cầu điền kết quả của phép nhân.  * <b>Bài 2( HSG tự suy nghĩ tìm kết quả )</b>  - Giúp HS áp dụng bảng nhân 3 để giải bài toán có lời văn bằng một phép tính nhân.  * <b>Bài 3:</b>  - Gọi 1 HS đọc đề bài toán.   - Yêu cầu HS cả lớp tự làm bài vào vở bài tập, 1 HS làm bài trên bảng phụ.  - Nhận xét.   * <b>Bài 4:</b>  - Tiến hành tương tự như với bài tập 3.  - Cho HS tự đổi vở kiểm tra kết quả.  - Gọi 1 HS làm bảng phụ.  - HS nhận xét.   * <b>Bài 5( câu a, b ) ( HSG về suy nghĩ tìm kết quả )</b>  - Hỏi: Bài tập yêu cầu điều gì?  - Gọi 1 HS đọc dãy số thứ nhất.  - Dãy số này có đặc điểm gì? (Các số đứng liền nhau trong dãy số này hơn kém nhau mấy đơn vị ?)  - Vậy điền số nào vào sau số 9 ? Vì sao?  Cho HS về suy nghĩ tự tìm kết quả.  <b>4.Củng cố:</b>  -HS thi đua đọc bảng nhân.  <b>5.Dặn dò :</b>  -Dặn HS học thuộc bảng nhân 2, 3.  -Chuẩn bị : Bảng nhân 4.</p>	<p>- Quan sát.   3/  - 1 HS đọc bài, cả lớp theo dõi và phân tích đề bài.  - Làm bài theo yêu cầu:  TT  1 can : 3 l  5 can : ...l?  Bài giải  5 can đựng được số lít dầu là:  <math>3 \times 5 = 15</math> (l)  Đáp số: 15 l   4/  - HS làm bài. Sửa bài.  Bài giải  Số ki-lô-gam gạo 8 túi:  <math>3 \times 8 = 24</math> ( kg )  Đáp số: 24 kg.  5/  - Bài tập yêu cầu chúng ta viết tiếp số vào dãy số.  - Đọc: ba, sáu, chín, . . . .  - Các số đứng liền nhau hơn kém nhau 3 đơn vị.   - Điền số 12 vì <math>9 + 3 = 12</math></p>
---	---

Tuần : 20  
 Tiết : 98  
 Ngày dạy: 18/1/2017

## BẢNG NHÂN 4

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Lập được bảng nhân 4. Nhớ được bảng nhân 4.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân ( trong bảng nhân 4 ).
- Giáo dục tính cẩn thận HS.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Các tấm bìa, mỗi tấm có 4 chấm tròn ( như SGK )
- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Luyện tập.</b></p> <p>- Gọi 1 HS lên bảng làm bài tập sau:</p> <p>- Tính tổng và viết phép nhân tương ứng với mỗi tổng sau:</p> <p style="padding-left: 40px;"><math>4 + 4 + 4 + 4</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>5 + 5 + 5 + 5</math></p> <p>-Nhận xét.</p> <p>*Nhận xét chung.</p> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b>Trong giờ học toán hôm nay, các em sẽ được học bảng nhân này để giải các bài tập có liên quan.</p> <p><b>* Hướng dẫn thành lập bảng nhân 4 ( lấy 4 nhân với một số )</b></p> <p>- Gắn 1 tấm bìa có 4 chấm tròn lên bảng và hỏi: Có mấy chấm tròn?</p> <p>- Bốn chấm tròn được lấy mấy lần?</p> <p>- Bốn được lấy mấy lần</p> <p>- 4 được lấy 1 lần nên ta lập được phép nhân: <math>4 \times 1 = 4</math> (ghi lên bảng phép nhân này).</p> <p>-Gắn tiếp 2 tấm bìa mỗi tấm có 4 chấm tròn. Vậy 4 chấm tròn được lấy mấy lần?</p> <p>- Vậy 4 được lấy mấy lần?</p> <p>- Hãy lập phép tính tương ứng với 4 được lấy 2 lần.</p> <p>- 4 nhân 2 bằng mấy?</p> <p>- Viết lên bảng phép nhân: <math>4 \times 2 = 8</math> và yêu cầu HS đọc phép nhân này.</p> <p>- Hướng dẫn HS lập các phép tính còn lại tương tự như trên. Sau mỗi lần HS lập được phép tính mới GV ghi phép tính này</p>	<p>- 1 HS làm bài trên bảng lớp, cả lớp làm bài vào vở nháp:</p> <p style="padding-left: 40px;"><math>4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times 4 = 16</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>5 + 5 + 5 + 5 = 5 \times 4 = 20</math></p> <p>- Nghe giới thiệu.</p> <p>- Quan sát hoạt động của GV và trả lời có 4 chấm tròn.</p> <p>- Bốn chấm tròn được lấy 1 lần.</p> <p>- 4 được lấy 1 lần</p> <p>- HS đọc phép nhân: 4 nhân 1 bằng 4.</p> <p>- Quan sát thao tác của GV và trả lời: 4 chấm tròn được lấy 2 lần.</p> <p>- 4 được lấy 2 lần</p> <p>- Đó là phép tính <math>4 \times 2</math></p> <p>- 4 nhân 2 bằng 8</p> <p>- Bốn nhân hai bằng 8</p> <p>- Lập các phép tính 4 nhân với 3, 4, 5,</p>

<p>lên bảng để có bảng nhân 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ bảng và nói: Đây là bảng nhân 4. các phép nhân trong bảng đều có một thừa số là 4, thừa số còn lại lần lượt là các số 1, 2, 3, . . . , 10.</li> <li>- Yêu cầu HS đọc bảng nhân 4 vừa lập được, sau đó cho HS thời gian để tự học thuộc lòng bảng nhân này.</li> <li>- Xoá dần bảng cho HS học thuộc lòng.</li> <li>- Tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng bảng nhân.</li> </ul> <p><b>* Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>◆ Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hỏi : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</li> <li>-Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</li> </ul> <p><b>◆ Bài 2 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</li> <li>- Hỏi : Có tất cả mấy chiếc ô tô?</li> <li>- Mỗi chiếc ô tô có mấy bánh xe?</li> <li>- Vậy để biết 5 chiếc ô tô có tất cả bao nhiêu bánh xe ta làm thế nào ?</li> <li>-Yêu cầu cả lớp làm bài vào vở bài tập, 1 HS làm bài trên bảng lớp.</li> <li>-Chữa bài, nhận xét và cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>◆ Bài 3 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi : Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?</li> <li>- Số đầu tiên trong dãy số này là số nào?</li> <li>- Tiếp sau số 4 là số nào?</li> <li>- 4 cộng thêm mấy thì bằng 8?</li> <li>- Tiếp sau số 8 là số nào?</li> <li>- 8 cộng thêm mấy thì bằng 12?</li> <li>- Hỏi : Trong dãy số này, mỗi số đứng sau hơn số đứng trước nó mấy đơn vị?</li> <li>- Yêu cầu HS tự làm tiếp bài, sau đó chữa bài rồi cho HS đọc xuôi, đọc ngược dãy số vừa tìm được</li> </ul> <p><b>4.Củng cố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Y/ c HS đọc bảng nhân 4 vừa học.</li> </ul> <p><b>5.Dặn dò :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chuẩn bị : Luyện tập.</li> </ul>	<p>6, . . . , 10 theo hướng dẫn của GV.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng.</li> <li>- Cả lớp đọc đồng thanh bảng nhân 4 lần, sau đó tự học thuộc lòng bảng nhân 4.</li> <li>- Đọc bảng nhân.</li> </ul> <p>1/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập yêu cầu chúng ta tính nhẩm.</li> <li>- Làm bài và kiểm tra bài của bạn.</li> </ul> <p>2/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc: Mỗi xe ô tô có 4 bánh. Hỏi 5 xe như vậy có bao nhiêu bánh xe?</li> <li>- Có tất cả 5 xe ô tô.</li> <li>- Mỗi chiếc ô tô có 4 bánh xe.</li> <li>- Ta tính tích <math>4 \times 5</math>.</li> <li>- Làm bài:</li> </ul> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td></td> <td style="text-align: center;">Tóm tắt</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1 xe</td> <td style="text-align: center;">: 4 bánh</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">5 xe</td> <td style="text-align: center;">: . . . bánh?</td> </tr> </table> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số bánh xe 5 xe ô tô là:  <math>4 \times 5 = 20</math> (bánh xe)  Đáp số : 20 bánh xe.</p> <p>3/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài toán yêu cầu chúng ta đếm thêm 4 rồi viết số thích hợp vào ô trống.</li> <li>- Số đầu tiên trong dãy số này là số 4.</li> <li>- Tiếp theo 4 là số 8.</li> <li>- 4 cộng thêm 4 bằng 8.</li> <li>- Tiếp theo 8 là số 12.</li> <li>8 cộng thêm 4 bằng 12</li> <li>- Đó là phép tính <math>4 \times 2</math></li> <li>- HS tự làm.</li> <li>- Nêu kết quả – nhận xét.</li> </ul>		Tóm tắt	1 xe	: 4 bánh	5 xe	: . . . bánh?
	Tóm tắt						
1 xe	: 4 bánh						
5 xe	: . . . bánh?						

Tuần : 20  
 Tiết : 99  
 Ngày dạy: 19/1/2017

## LUYỆN TẬP

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

-Thuộc được bảng nhân 4. Biết tính giá trị của biểu thức số có có hai dấu phép tính nhân và cộng trong trường hợp đơn giản.

-Biết giải bài toán có 1 phép nhân ( trong bảng nhân 4 ).

- Giáo dục tính cẩn thận, tính chính xác cho HS.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

-Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b> Bảng nhân 4.                      - Gọi 2 HS lên bảng đọc thuộc lòng bảng nhân 4. Hỏi HS về kết quả của một phép nhân bất kì trong bảng.</p> <p><b>3. Bài mới:</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b> Trong giờ toán hôm nay, các em sẽ cùng nhau luyện tập củng cố kĩ năng thực hành tính nhân trong bảng nhân 4.</p> <p><b>*Luyện tập, thực hành.</b></p> <p>◆ <b>Bài 1: câu a)</b>                      - Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài                      - Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó yêu cầu 1 HS đọc bài làm của mình.                      - Nhận xét.</p> <p>Câu b) ( HSG về suy nghĩ tìm kết quả)</p> <p>◆<b>Bài 2</b>                      - Y/ C HS đọc y/ c bài tập.                      - Viết lên bảng: <math>4 \times 3 + 8 =</math>                      - Yêu cầu HS suy nghĩ để tìm kết quả của biểu thức trên.</p> <p>- Nhận xét: Khi thực hiện tính giá trị của một biểu thức có cả phép nhân và phép cộng ta thực hiện phép nhân trước rồi mới thực hiện phép cộng.                      - Yêu cầu HS làm theo nhóm đôi.                      - GV sửa bài cho HS.                      Giúp HS giải bài toán có lời văn bằng một phép tính nhân.</p> <p>◆<b>Bài 3 :</b>                      - Gọi 1 HS đọc đề bài.                      - Yêu cầu HS nêu tóm tắt và làm bài.</p>	<p>- 2 HS lên bảng trả lời, cả lớp theo dõi và nhận xét xem 2 bạn đã học thuộc lòng bảng nhân chưa.</p> <p>1/                      - Tính nhẩm.                      - Cả lớp làm bài vào vở bài tập. 1 HS đọc chữa bài, các em còn lại theo dõi và nhận xét bài của bạn.</p> <p>2/                      - Theo dõi.                      - Làm bài. HS có thể tính ra kết quả như sau:  <math display="block">4 \times 3 + 8 = 12 + 8</math> <math display="block">= 20</math>                     Nghe giảng và tự làm bài. 3 HS lên bảng làm bài.</p> <p>- HS thực hiện nhóm đôi.                      - HS tự kiểm tra bài làm lẫn nhau.</p> <p>- Mỗi HS được mượn 4 quyển sách.                      Hỏi 5 HS được mượn bao nhiêu quyển sách?</p>

<p>- GV chấm 5 vở. - GV nhận xét- Bổ sung.</p> <p><b>♦ Bài 4 :</b> - Yêu cầu HS tự làm bài - Nhận xét . - GV chốt ý đúng: Khoanh vào câu c.</p> <p><b>4. Củng cố:</b> - HS đọc bảng nhân 2, 3, 4.</p> <p><b>5. Dặn dò :</b> - Chuẩn bị : Bảng nhân 5.</p>	<p>- 1 HS làm bảng phụ - cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>TT 1 em mượn : 4 quyển 5 em mượn : ... quyển?</p> <p><b>Bài giải</b> Năm em HS được mượn số sách là <math>4 \times 5 = 20</math> (quyển sách) Đáp số: 20 quyển sách.</p> <p>4/ - HS tự làm. - nhận xét. Em chọn câu c vì <math>4 \times 3 = 12</math>.</p>
---	---

Tuần : 20

Tiết : 100

Ngày dạy: 20/1/2017

## BẢNG NHÂN 5

### I. MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Lập được bảng nhân 5. Nhớ được bảng nhân 5.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân (trong bảng nhân 5). Đếm thêm 5.
- Giáo dục tính cẩn thận, tính chính xác cho HS.

### II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Các tấm bìa, mỗi tấm có 5 chấm tròn.
- Bảng phụ.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1. Ổn định :</b> <b>2. Bài cũ : Luyện tập.</b> - Gọi 1 HS lên bảng làm bài tập sau : - Tính tổng và viết phép nhân tương ứng với mỗi tổng sau : <math>3 + 3 + 3 + 3</math> <math>5 + 5 + 5 + 5</math> - Nhận xét . - Gọi HS khác lên bảng đọc thuộc lòng bảng nhân 4.</p> <p><b>3. Bài mới :</b> <b>* Giới thiệu bài :</b> Trong giờ học toán hôm nay, các em sẽ được học bảng nhân 5 để giải các bài tập có liên quan. <b>* Hướng dẫn thành lập bảng nhân 5 ( lấy 5 nhân với một số ).</b></p>	<p>- 1 HS làm bài trên bảng lớp, cả lớp làm bài vào vở nháp: <math>3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 5 = 15</math> <math>5 + 5 + 5 + 5 = 5 \times 4 = 20</math></p> <p>- Nghe giới thiệu.</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gắn 1 tấm bìa có 5 chấm tròn lên bảng và hỏi : Có mấy chấm tròn?</li> <li>- Năm chấm tròn được lấy mấy lần?</li> <li>- 5 được lấy mấy lần ?</li> <li>- 5 được lấy 1 lần nên ta lập được phép nhân : <math>5 \times 1 = 5</math> (ghi lên bảng phép nhân này).</li> <li>- Gắn tiếp 2 tấm bìa mỗi tấm có 5 chấm tròn. Vậy 5 chấm tròn được lấy mấy lần?</li> <li>- Vậy 5 được lấy mấy lần?</li> <li>-Hãy lập phép tính tương ứng với 5 được lấy 2 lần.</li> <li>- 5 nhân 2 bằng mấy?</li> <li>- Viết lên bảng phép nhân: <math>5 \times 2 = 8</math> và yêu cầu HS đọc phép nhân này.</li> <li>- Hướng dẫn HS lập các phép tính còn lại tương tự như trên. Sau mỗi lần HS lập được phép tính mới GV ghi phép tính này lên bảng để có bảng nhân 5.</li> <li>- Chỉ bảng và nói: Đây là bảng nhân 5. các phép nhân trong bảng đều có một thừa số là 5, thừa số còn lại lần lượt là các số 1, 2, 3, . . . , 10.</li> <li>- Yêu cầu HS đọc bảng nhân 5 vừa lập được, sau đó cho HS thời gian để tự học thuộc lòng bảng nhân này.</li> <li>- Xoá dần bảng cho HS học thuộc lòng.</li> <li>- Tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng bảng nhân.</li> <li><b>* Luyện tập, thực hành.</b></li> <li><b>◆ Bài 1 :</b></li> <li>- Hỏi : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</li> <li>- Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</li> <li>- Cho HS nêu kết quả.</li> <li><b>◆ Bài 2 :</b></li> <li>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</li> <li>-Yêu cầu cả lớp làm bài vào vở, 1 HS làm bảng phụ.</li> <li>-GV theo dõi.</li> <li>- Chữa bài, nhận xét .</li> <li><b>◆ Bài 3 :</b></li> <li>- Hỏi : Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?</li> <li>- Số đầu tiên trong dãy số này là số nào?</li> <li>- Tiếp sau số 5 là số nào ?</li> <li>- 5 cộng thêm mấy thì bằng 10 ?</li> <li>- Tiếp sau số 10 là số nào?</li> <li>- Yêu cầu cả lớp làm bài vào vở</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát hoạt động của GV và trả lời có 5 chấm tròn.</li> <li>- Năm chấm tròn được lấy 1 lần.</li> <li>- 5 được lấy 1 lần</li> <li>- HS đọc phép nhân: 5 nhân 1 bằng 5.</li> <li>- Quan sát thao tác của GV và trả lời : 5 chấm tròn được lấy 2 lần.</li> <li>- 5 được lấy 2 lần</li> <li>- Đó là phép tính <math>5 \times 2</math></li> <li>- 5 nhân 2 bằng 10</li> <li>- Năm nhân hai bằng 10</li> <li>Lập các phép tính 5 nhân với 3, 4, 5, 6,</li> <li>- Nghe giảng.</li> <li>- Cả lớp đọc đồng thanh bảng nhân 5 lần, sau đó tự học thuộc lòng bảng nhân 5.</li> <li>- Đọc bảng nhân.</li> <li>- HS thi đọc bảng nhân 5</li> <li>1/</li> <li>- Bài tập yêu cầu chúng ta tính nhẩm.</li> <li>- Làm bài và kiểm tra bài của bạn.</li> <li>2/</li> <li>Đọc : Mỗi tuần mẹ đi làm 5 ngày. Hỏi 4 tuần mẹ đi làm mấy ngày?</li> <li>Bài giải</li> <li>Số ngày mẹ đi làm 4 tuần lễ :</li> <li><math>5 \times 4 = 20</math> (ngày)</li> <li>Đáp số : 20 ngày.</li> <li>- Bài toán yêu cầu chúng ta đếm thêm 5 rồi viết số thích hợp vào ô trống.</li> <li>- Số đầu tiên trong dãy số này là số 5.</li> <li>- Tiếp theo 5 là số 10.</li> <li>- 5 cộng thêm 5 bằng 10.</li> <li>- Tiếp theo 10 là số 15.</li> </ul>
--	--



<p>- Chữa bài, nhận xét .</p> <p><b>4.Củng cố</b> -Y/c HS đọc bảng nhân 5 vừa học.</p> <p><b>5. Dặn dò :</b> -Chuẩn bị : Luyện tập.</p>	<p>-10 cộng thêm 5 bằng 15. - Mỗi số đứng sau hơn mỗi số đứng ngay trước nó 5 đơn vị - HS làm bài.</p>
---	--

Tuần : 21

Tiết : 101

Ngày dạy: 6/2/2017

## LUYỆN TẬP

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Thuộc được bảng nhân 5. Biết tính giá trị của biểu thức có 2 phép tính nhân và trừ trong trường hợp đơn giản.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân ( trong bảng nhân 5 ). Nhận biết được đặc điểm của dãy số để viết số còn thiếu củ dãy số đó.
- Giáo dục tính cẩn thận, tính chính xác cho HS.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Bảng nhân 5.</b> -Cho HS làm bài tập sau: Chọn chữ cái đặt trước kết quả đúng <math>5 \times 2 = ?</math> A. 8              B. 10              C . 12 -Nhận xét.</p> <p><b>3.Bài mới :</b> <b>*Giới thiệu bài :</b> Trong giờ toán này, các em sẽ được ôn lại bảng nhân 5 và áp dụng bảng nhân này để giải các bài tập có liên quan. <b>*Hướng dẫn làm bài tập</b></p> <p>◆ <b>Bài 1:</b> - Phần a) HS tự làm bài rồi chữa bài. Nên kiểm tra việc ghi nhớ bảng nhân 5 của HS. - Phần b) ( HSG về nhà tự tìm kết quả )</p> <p>◆<b>Bài 2 :</b> Cho HS làm bài tập vào vở và trình bày theo mẫu. Chẳng hạn : <math>5 \times 4 - 9 = 20 - 9</math> <math>= 11</math> <math>5 \times 7 - 15 = 35 - 15</math> <math>= 20</math></p> <p>◆<b>Bài 3 :</b> - Cho HS tự đọc thầm rồi nêu tóm tắt bài toán ( bằng lời ) và giải bài toán.</p>	<p>-HS làm bài vào bảng con. -2 HS đọc bảng nhân 2.</p> <p>-Nghe giới thiệu.</p> <p>1/ - HS nhẩm kết quả vào vở. - HS nêu kết quả nối tiếp. - HS đọc bảng nhân 5.</p> <p>2/ - HS quan sát mẫu và thực hành</p> <p>- HS làm bài vào bảng con.</p> <p>- HS sửa bài.</p> <p>3/ - Cả lớp đọc thầm rồi nêu tóm tắt bài toán và giải vào vở.</p>

<p>- Cho HS tự làm bài.  - GV theo dõi.  - GV chấm 5 vở – nhận xét.  ♦<b>Bài 4 :</b> ( HSG về tự suy nghĩ tìm kết quả )</p> <p>♦<b>Bài 5 :</b> ( HSG )Cho HS tự làm bài vào vở rồi chữa bài. Khi chữa bài nên yêu cầu HS nêu nhận xét đặc điểm của mỗi dãy số. Chẳng hạn, dãy a) bắt đầu từ số thứ hai, mỗi số đều bằng số đứng liền trước nó (trong dãy đó) cộng với 5, ...  Kết quả làm bài là:  5; 10; 15; 20; 25; 30.  5; 8; 11; 14; 17; 21</p> <p><b>4.Củng cố</b>  - HS đọc thuộc lòng bảng nhân 5.</p> <p><b>5. Dặn dò :</b>  - Chuẩn bị: Đường gấp khúc – Độ dài đường gấp khúc.</p>	<p>Bài giải  Số giờ Liên học trong 1 tuần lễ là:  <math>5 \times 5 = 25</math> (giờ)  Đáp số : 25 giờ</p> <p>- 1 HS làm bảng phụ.  - nhận xét.</p> <p>5/  - HS tự làm bài rồi chữa bài.  - Làm bài. Sửa bài.</p> <p>- Làm bài tập.</p> <p>- Một số HS đọc thuộc lòng theo yêu cầu.</p>
--	--

Tuần : 21

Tiết : 102

Ngày dạy: 7/2/2017

## ĐƯỜNG GẤP KHÚC ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Nhận dạng được và gọi đúng tên đường gấp khúc. Nhận biết độ dài đường gấp khúc
- Biết tính độ dài đường gấp khúc khi biết độ dài mỗi đoạn thẳng của nó.
- Rèn tính cẩn thận, tính chính xác cho HS.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Mô hình đường gấp khúc gồm 3 đoạn ( có thể ghép kín được hình tam giác )
- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Luyện tập.</b>  - Gọi 2 HS đọc thuộc lòng bảng nhân 5. Hỏi HS về kết quả của một phép nhân bất kì trong bảng.  -Nhận xét .</p> <p><b>3. Bài mới</b>  *Giới thiệu bài :  *Giới thiệu đường gấp khúc, độ dài đường gấp khúc  - GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ đường gấp khúc ABCD (như phần bài</p>	<p>- 2 HS trả lời cả lớp theo dõi và nhận xét xem hai bạn đã học thuộc lòng bảng nhân chưa.</p>

<p>học) ở trên bảng (nên vẽ sẵn bằng phấn màu) rồi giới thiệu: Đây là đường gấp khúc ABCD (chỉ vào hình vẽ). Cho HS lần lượt nhắc lại: “Đường gấp khúc ABCD” (khi GV chỉ vào hình vẽ)</p> <p>- GV hướng dẫn HS nhận dạng đường gấp khúc ABCD. Chẳng hạn, giúp HS tự nêu được : Đường gấp khúc này gồm 3 đoạn thẳng AB, BC, CD (B là điểm chung của 3 đoạn thẳng AB và BC, C là điểm chung của 2 đoạn thẳng BC và CD).</p> <p>- GV hướng dẫn HS biết độ dài đường gấp khúc ABCD là gì ?</p> <p>- Hỏi : đường gấp khúc này gồm có mấy đoạn thẳng ? Hãy nêu tên mỗi đoạn thẳng đó.</p> <p>- Vậy muốn tính độ dài đường gấp khúc ABCD ta làm thế nào ?</p> <p>- GV ghi : <math>2\text{cm} + 4\text{cm} + 3\text{cm} = 9\text{cm}</math>          Vậy độ dài đường gấp khúc ABCD là 9cm.</p> <p>Lưu ý : Vẫn để đơn vị “cm” kèm theo các số đo ở cả bên trái và bên phải dấu =</p> <p><b>* Thực hành</b></p> <p>-GV hướng dẫn HS tự làm bài rồi chữa bài.</p> <p>♦ <b>Bài 1</b> : a) Cho HS vẽ vào vở.          b) ( HSG về suy nghĩ tự tìm cách vẽ )</p> <p>♦ <b>Bài 2</b> :</p> <p>- Cho HS đọc y/ c bài tập.          - GV hướng dẫn mẫu ( câu a )</p> <p style="text-align: center;">Bài giải          Độ dài đường gấp khúc MNPQ là:  <math>3 + 2 + 4 = 9\text{cm}</math>          Đáp số: 9cm</p> <p>- Cho HS dựa vào mẫu ở phần a) để làm phần b).          - GV theo dõi.          - nhận xét – Bổ sung.</p> <p>♦ <b>Bài 3</b> : Giúp HS nhận biết đường gấp khúc “đặc biệt”</p> <p>- Cho HS tự đọc đề bài rồi tự làm bài.          Chú ý: Khi chữa bài nên cho HS nhận xét về đường gấp khúc “đặc biệt” này.          Chẳng hạn:</p>	<p>- HS quan sát hình vẽ.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS quan sát.</p> <p>- Gồm 3 đoạn thẳng : AB, BC, CD.</p> <p>- Ta tính tổng độ dài các đoạn thẳng đường gấp khúc của ABCD.</p> <p>- Tự làm bài vào vở bài tập, sau đó 1 HS đọc chữa bài, cả lớp theo dõi để nhận xét.</p> <p>2/          - HS đọc bài, cả lớp theo dõi và phân tích đề bài.          - HS cùng thực hiện mẫu.</p> <p>- Làm bài theo yêu cầu          - HS làm theo nhóm đôi.          - 1 nhóm làm bảng phụ.          - HS trình bày – nhận xét.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải          b) Độ dài đường gấp khúc ABC là:  <math>5 + 4 = 9\text{cm}</math>          Đáp số: 9cm</p> <p>3/          - HS đọc đề bài.          - HS nêu TT.</p> <p>- HS làm bài – 1 HS klàm bảng phụ.</p>
---	---

<p>- Đường gấp khúc này “khép kín” (có 3 đoạn thẳng, tạo thành hình tam giác), điểm cuối cùng của đoạn thẳng thứ ba trùng với điểm đầu của đoạn thẳng thứ nhất).</p> <p>- Độ dài mỗi đoạn thẳng của đường gấp khúc này đều bằng 4cm, nên độ dài của đường gấp khúc có thể tính như sau:</p> $4\text{cm} + 4\text{cm} + 4\text{cm} = 12\text{cm}$ <p>hoặc <math>4\text{cm} \times 3 = 12\text{cm}</math></p> <p><b>4. Củng cố</b></p> <p>-Y/ c HS thi đọc thuộc lòng bảng nhân 5 vừa học.</p> <p><b>5. Dặn dò :</b></p> <p>-Chuẩn bị : Luyện tập.</p>	<p>Bài giải</p> <p>Độ dài đường dây đồng :  <math>4 + 4 + 4 = 12</math> ( cm )  Đáp số: 12 cm.</p>
--	--

Tuần : 21  
Tiết: 103  
Ngày dạy: 8/2/2017

### LUYỆN TẬP

#### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết tính độ dài đường gấp khúc.
- Củng cố về nhận biết đường gấp khúc.
- Giáo dục tính cẩn thận, tính chính xác cho HS.

#### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

#### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1. Ôn định :</b></p> <p><b>2. Bài cũ : Đường gấp khúc – Độ dài đường gấp khúc</b></p> <p>- Gọi 1 HS lên bảng làm bài tập sau :  Tính độ dài đường gấp khúc ABCD :  <math>3\text{ cm} + 3\text{cm} + 3\text{cm} + 3\text{ cm}</math></p> <p>- Nhận xét HS.</p> <p><b>3. Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài : Luyện tập.</b></p> <p><b>*Hướng dẫn HS làm bài tập.</b></p> <p>◆<b>Bài 1:</b></p> <p>-Gọi HS đọc bài a.  -Gợi ý HS cách làm.  -Cho HS tự làm rồi chữa bài.  -GV gọi HSG lên sửa bài.  -GV cùng HS nhận xét – Bổ sung.</p> <p>- Tương tự như câu a) HS tự làm.</p>	<p>- 1 HS làm bài trên bảng lớp, cả lớp làm bài vào vở nháp</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>1/a)  -1 HS đọc.  - HS nêu TT đề bài.  -HS tự làm bài rồi chữa bài.</p> <p>Bài giải  Độ dài ĐGK là:  <math>12 + 15 = 27</math> ( cm )  ĐS: 27 cm.</p>

<p>- GV nhận xét – bổ sung.</p> <p>- Khi sửa bài cho HS ghi tên đường gấp khúc.</p> <p>♦ <b>Bài 2 :</b></p> <p>- Cho HS đọc đề bài.</p> <p>- GVHDHS quan sát sơ đồ của ốc sên bò và hỏi :</p> <p>+ Ốc sên bò trên con đường như thế nào ?</p> <p>+ Vậy muốn tính đường ốc sên bò ta phải tính đường gấp khúc nào ?</p> <p>- Cho HS tự làm</p> <p>- GV chấm 5 vở</p> <p>- Nhận xét – Bổ sung.</p> <p>* <b>Bài 3: ( HSG về suy nghĩ tìm kết quả )</b></p> <p><b>4. Củng cố</b></p> <p>- Hỏi : Muốn tính độ dài đường gấp khúc ta làm thế nào ? ( Tính tổng độ dài các đoạn thẳng của ĐGK )</p> <p><b>5. Dặn dò :</b></p> <p>- Chuẩn bị : Luyện tập chung.</p>	<p>- Cả lớp làm vở – 1 HS làm bảng phụ.</p> <p>- HS trình bày – nhận xét.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải Độ dài ĐGK là: <math>10 + 14 + 9 = 33</math> ( dm ) ĐS: 33 dm.</p> <p>- 1 HS nêu – nhận xét.</p> <p>2/</p> <p>- 1 HS đọc.</p> <p>- Quan sát hình vẽ.</p> <p>+ ĐGK ABCD .</p> <p>+ Tính đường gấp khúc ABCD.</p> <p>- HS làm vở – 1 HS làm bảng phụ.</p> <p>- HS trình bày.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải. Con ốc sên phải bò đoạn đường dài là: <math>5 + 2 + 7 = 14</math> ( dm ) Đáp số: 14 dm.</p>
---	---

Tuần : 21  
Tiết : 104  
Ngày dạy: 9/2/2017

### LUYỆN TẬP CHUNG

**I. MỤC TIÊU :** Giúp HS :

- Thuộc bảng nhân 2, 3, 4, 5 để tính nhẩm. Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính nhân và cộng hoặc trừ trong trường hợp đơn giản.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân, biết tính độ dài đường gấp khúc.
- Giáo dục tính cẩn thận xác cho HS.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1. Ôn định :</b></p> <p><b>2. Bài cũ : Luyện tập.</b></p> <p>- Cho HS làm bài tập.</p> <p><math>8 \times 4 - 12</math></p> <p>- GV nhận xét</p> <p><b>3. Bài mới :</b></p> <p>* Giới thiệu bài : Luyện tập chung</p>	<p>- HS làm bảng con.</p> <p>- Nhận xét.</p>

<p><b>*Hướng dẫn HS làm bài tập.</b></p> <p><b>◆Bài 1: Tính nhẩm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc y/ c bài tập.</li> <li>- Cho HS làm bài rồi chữa bài.</li> <li>- GV nhận xét – Chốt: Gọi HS đọc bảng nhân 2, 3, 4, 5.</li> </ul> <p><b>◆Bài 2 : ( HSG về suy nghĩ tìm kết quả )</b></p> <p><b>◆Bài 3 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc y/ c bài tập.</li> <li>- Cho HS làm bài .</li> <li>- GV nhận xét – sửa bài.</li> <li>- Khi sửa bài gọi HS nêu cách thực hiện phép tính.</li> </ul> <p><b>◆Bài 4 :</b> Cho HS tự làm bài rồi chữa bài. Khi chữa bài, GV gợi ý để HS nhớ lại: Một đôi đĩa có 2 chiếc đĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc đề bài.</li> <li>- y/ c HS tự làm</li> <li>- GV chấm 5 vở – nhận xét.</li> </ul> <p><b>◆Bài 5 :</b> Câu a) Cho HS nêu cách tính độ dài đường gấp khúc (tính tổng độ dài của các đoạn tạo thành đường gấp khúc) rồi tự làm bài và chữa bài. Chẳng hạn :</p> <p>Sau khi chữa bài, GV cho HS nhận xét để chuyển thành phép nhân:</p> $3 \times 3 = 9(\text{cm})$ <p><b>Câu b) ( HSG nêu kết quả nếu còn thời gian )</b></p> <p><b>4.Củng cố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu cách tính độ dài đường gấp khúc câu b) ( chủ yếu là HSG)</li> <li>- 2 dãy HS thi đua.</li> </ul> <p><b>5. Dặn dò :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị : Luyện tập chung.</li> </ul>	<p>1/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu y/ c bài tập.</li> <li>- HS nhắm vào vở kết quả.</li> <li>- HS nêu kết quả theo cách nối tiếp.</li> <li>- HS nhận xét.</li> </ul> <p>3/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS đọc</li> <li>- HS làm bảng con.</li> </ul> <p>a) <math>5 \times 5 + 6 = 25 + 6</math>  <math>= 31</math></p> <p>b) <math>4 \times 8 - 17 = 32 - 17</math>  <math>= 15</math></p> <p>c) <math>2 \times 9 - 18 = 18 - 18</math>  <math>= 0</math></p> <p>d) <math>3 \times 7 + 29 = 21 + 29</math>  <math>= 50</math></p> <p>-Nhận xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS : tính từ trái sang phải hoặc tính nhân trước cộng trừ sau.</li> </ul> <p>4/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm bài rồi chữa bài.</li> <li>- HS kàm vở – 1 HS làm bảng phụ.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><b>Bài giải</b></p> <p>Số chiếc đĩa 7 đôi đĩa có số là :</p> $2 \times 7 = 14 \text{ (chiếc đĩa)}$ <p>Đáp số : 14 chiếc đĩa</p> <p>5/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc y/ c bài tập.</li> <li>- HS tự làm câu a)</li> <li>- HS đối vở kiểm tra chéo kết quả.</li> <li>- HS trình bày bài giải.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><b>Bài giải</b></p> <p>Độ dài đường gấp khúc là:</p> $3 + 3 + 3 = 9 \text{ (cm)}$ <p>Đáp số: 9cm</p>
--	--

Tuần : 21  
 Tiết : 105  
 Ngày dạy: 10/2/2017

## LUYỆN TẬP CHUNG

### I. MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Thuộc bảng nhân 2, 3, 4, 5 để tính nhẩm. Biết thừa số- tích.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân.
- Ghi nhớ bảng nhân đã học bằng thực hành tính và giải toán.

### II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1. Ôn định :</b></p> <p><b>2. Bài cũ :</b> Luyện tập chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 HS lên bảng làm bài tập sau:</li> <li>- Cách tính độ dài đường gấp khúc sau:                     <math display="block">3 + 3 + 3 + 3 = \text{cm}</math> <math display="block">5 + 5 + 5 + 5 = \text{dm}</math> </li> <li>- Nhận xét HS.</li> </ul> <p><b>2. Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài : Luyện tập chung</b></p> <p><b>♦ Bài 1 : Tính nhẩm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc đề bài</li> <li>- Y / C HS nhẩm tìm kết quả trong 4'.</li> <li>- Gọi HS nêu hết quả nối tiếp.</li> <li>- GV cùng HS nhận xét</li> <li>- Cho HS đọc bảng nhân đã học.</li> </ul> <p><b>♦ Bài 2 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đính bảng phụ – HDHS xác định y/c.</li> <li>- Cho HS nêu cách tìm tích. (chẳng hạn, muốn tìm tích ta lấy thừa số nhân với thừa số) rồi làm bài và chữa bài.</li> </ul> <p><b>♦ Bài 3 : Điền dấu &gt;, &lt; =</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Y/ C HS suy nghĩ 1' rồi mỗi đoạn chọn 3 bạn thực hiện, đội nào nhanh và chính xác nhất sẽ thắng cuộc.</li> <li>- GV theo dõi – nhận xét.</li> </ul> <p><b>♦ Bài 4 : ( viết )</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc đề bài.</li> <li>- Cho HS tự làm bài rồi chữa bài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS làm bài trên bảng lớp, cả lớp làm bài vào vở nháp:                     <math display="block">3 + 3 + 3 + 3 = 12 \text{ cm}</math> <math display="block">5 + 5 + 5 + 5 = 20 \text{ dm}</math> </li> <li>1/</li> <li>- 1 HS đọc.</li> <li>- Nhẩm kết quả ( 4' )</li> <li>- Nêu kết quả.</li> <li>- nhận xét.</li> <li>- HS đọc thuộc lòng bảng nhân.</li> <li>2/</li> <li>- Đọc y/ c bài tập.</li> <li>- HS nêu cách tìm tích.</li> <li>- HS làm bài theo nhóm đôi.</li> <li>- 1 nhóm làm bảng phụ.</li> <li>- HS trình bày – nhận xét.</li> <li>HS nêu tích là kết quả phép nhân.</li> <li>3/</li> <li>-Nhẩm kết quả.</li> <li>-Thực hiện thi đua.</li> <li>-Theo dõi.</li> <li>-Nhận xét.</li> <li>4/</li> <li>-1 HS đọc đề.</li> <li>-Nêu TT.</li> <li>-HS làm vở – 1 HS làm bảng phụ.</li> <li>-HS trình bày – nhận xét.</li> </ul> <p style="text-align: center;">Bài giải</p>

<p>♦<b>Bài 5</b> : (HSG về suy nghĩ và thực hiện)</p> <p><b>4.Củng cố</b> -Y/ c HS đọc bảng nhân vừa học.</p> <p><b>5. Dặn dò :</b> -Chuẩn bị : Kiểm tra.</p>	<p>Số quyển sách 8 HS mượn là: <math>5 \times 8 = 40</math> (quyển ) ĐS: 40 quyển.</p>
---	--

Tuần : 22

Tiết : 106

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**



Tuần : 22  
 Tiết : 107  
 Ngày dạy: 14/2/2017

## PHÉP CHIA

### I.MỤC TIÊU :

Giúp HS:

- Nhận biết được phép chia. Biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia, từ phép nhân viết thành hai phép chia.

- Biết viết, đọc và tính kết quả của phép chia.

- HS áp dụng phép chia đã học vào cuộc sống hằng ngày.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Các mảnh bìa hình vuông bằng nhau.

-Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b>            Cho HS làm bài tập.            Chọn chữ cái đặt trước dấu điền đúng.  <math>4 \times 5 \dots 4 \times 7</math>            A. &gt;      B. &lt;      C. =</p> <p>- Gọi HS đọc bảng nhân 3, 5.            - GVnhận xét.</p> <p><b>2. Bài mới :</b>  <b>*Giới thiệu bài :</b> Phép chia.  <b>*Hướng dẫn HS bài mới.</b>  <b>❖Nhắc lại phép nhân <math>3 \times 2 = 6</math></b>            - Mỗi phần có 3 ô. Hỏi 2 phần có mấy ô?            - Gọi HS viết phép tính <math>3 \times 2 = 6</math>  <b>❖Giới thiệu phép chia cho 2</b>            - GV kẻ một vạch ngang (như hình vẽ)            - GV hỏi: 6 ô chia thành 2 phần bằng nhau.            Mỗi phần có mấy ô?            - GV nói: Ta đã thực hiện một phép tính mới là phép chia “Sáu chia hai bằng ba”.            - Viết là <math>6 : 2 = 3</math>. Dấu : gọi là dấu chia  <b>c.Giới thiệu phép chia cho 3</b>            - Vẫn dùng 6 ô như trên.            - GV hỏi: có 6 ô vuông chia thành mấy phần để mỗi phần có 3 ô ?            Ta có thể viết sáu chia cho ba bằng hai.            - Viết <math>6 : 3 = 2</math>  <b>❖Nêu nhận xét quan hệ giữa phép nhân và phép chia</b>            - Mỗi phần có 3 ô, 2 phần có 6 ô.  <math>3 \times 2 = 6</math></p>	<p>- Hát vui</p> <p>-HS làm bảng con.</p> <p>-2 HS đọc.</p> <p>-HS nhận xét.</p> <p>- 2 HS đọc bảng nhân 3.            - HSnhận xét.</p> <p>HS: 6 ô vuông.</p> <p>Viết : <math>3 \times 2 = 6</math></p> <p>- HS theo dõi.</p> <p>- HS nêu : mỗi phần có 3 ô vuông.</p> <p>- HS quan sát hình vẽ rồi trả lời: 6 ô chia thành 2 phần bằng nhau, mỗi</p>